

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2023/HSST**

Ngày 03/11/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Khoa

Bà Phạm Thị Bích Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Ông Lư N Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2023/HSST, ngày 06/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HS ngày 17/10/2023 đối với bị cáo:

Văn Thành T (Tên gọi khác: S), sinh năm 2001, tỉnh Bình Thuận

HKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Văn Thành L và bà Mộc Sau P; Anh, chị, em ruột: có 03 lớn nhất sinh 1999, bị cáo là con út trong gia đình; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại ở khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Văn N Phương T1, sinh năm 1999

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận; có đơn xin xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 19/4/2023, Văn Thành T (thường gọi là: Sò; sinh năm: 2001; cư trú: khu phố Xuân An 1, thị trấn C, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận) phát hiện chị Văn N Phương T1 (sinh năm: 1999; cư trú tại: số 304, đường Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận) là chị ruột của T đi làm công ty tại thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận và chị T1 không khóa cửa nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chị T1 để bán lấy tiền trả nợ. T liền lén lút đột nhập vào nhà của chị T1 để tìm kiếm tài sản trộm cắp, T mở cửa đi vào trong nhà và đi đến tủ đứng làm bằng gỗ, T dùng tua vít cạy phá tủ (tua vít đã chuẩn bị từ trước). Khi phá được tủ, T mở tủ ra xem thì thấy bên trong tủ có 01 (một) chiếc nhẫn vàng nặng 2,39 chỉ (loại vàng 18k) và 01 con heo đất màu vàng, T cầm heo đất lên lắc thử thì thấy bên trong có tiền nên T trở về nhà của T lấy cây nhíp, rồi quay trở lại nhà của chị T1 dùng nhíp móc tiền từ trong heo đất ra thì được số tiền 500.000 đồng. T lấy chiếc nhẫn vàng trên và số tiền 500.000 đồng rồi đem chiếc nhẫn vàng đến tiệm vàng Hoàng Kim của bà Nguyễn Thị Minh N (sinh năm: 1976; cư trú tại: khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận) để thế chấp, bà N không biết số vàng do T trộm cắp mà có nên đồng ý thế chấp với số tiền 2.000.000 đồng, T lấy số tiền trả nợ cho 01 người tên thường gọi là Đ ở Ninh Thuận (không rõ nhân thân lai lịch).

Đến khoảng 11 giờ ngày 21/4/2023, chị Văn N Phương T1 về nhà thì thấy mất tài sản và nghi ngờ Văn Thành T lấy trộm tài sản nên tìm T để hỏi thì T thừa nhận đã trộm tài sản nêu trên của chị T1. Sau đó, chị T1 cùng T đến tiệm vàng Hoàng Kim để chuộc lại chiếc nhẫn vàng do T đã trộm cắp, còn số tiền 500.000 đồng T đã đem trả nợ hết, chị T1 đến Công an thị trấn C trình báo vụ việc nên Công an thị trấn C chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Bình thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/KL/HĐĐGTS ngày 15/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bắc Bình kết luận: Giá trị mua vào của tài sản 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18k (vàng 610) có trọng lượng 2,39 chỉ

có gắn đá màu tím tại thời điểm ngày 21/4/2023 là: 7.783.432 đồng (Bảy triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

Tổng giá trị tài sản Văn Thành T trộm cắp: 7.783.432 đồng + số tiền 500.000 đồng = 8.283.432 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng và bồi thường dân sự: Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18k (vàng 610) có trọng lượng 2,39 chỉ có gắn đá màu tím và 01 (một) giấy biên nhận cầm đồ Hoàng Kim. Sau khi định giá tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Bắc Bình đã trả lại cho bà Văn N Phương T1 là chủ sở theo quy định.

Về phần bồi thường dân sự: Văn Thành T đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho bà T1 để chuộc 01 chiếc nhẫn vàng và T đã tự nguyện đã trả lại số tiền 500.000 đồng đã trộm cắp. Bị hại Văn N Phương T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết phần bồi thường dân sự.

Đối với cây tua vít T dùng để phá tủ và cây nhíp T dùng để móc tiền trong con heo đất, T đã ném bỏ mất không thu giữ được nên không xem xét, xử lý.

Tại bản cáo trạng số 91/ CT-VKS.HBB ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo Văn Thành T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận vẫn giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Văn Thành T, mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về phần dân sự: Bị hại Văn N Phương T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Không có.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Bắc Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại và tại phiên tòa bị cáo và bị hại cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ và hành vi của bị cáo: khoảng 08 giờ 00 ngày 19/4/2023 tại khu phố X, thị trấn Chợ Lầu, huyện B do Văn Thành T lén lút trộm cắp của bà Văn N Phương T1 01 chiếc nhẫn vàng 18k có trọng lượng 2,39 chỉ có gắn đá màu tím và số tiền 500.000 đồng, tổng giá trị tài sản Văn Thành T trộm cắp là 8.283.432 đồng thì bị phát hiện.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo Văn Thành T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Văn Thành T là công dân có đầy đủ năng lực, trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bà Văn N Phương T1 mang thế chấp cho bà N lấy tiền. Hành vi phạm tội nêu trên của Văn Thành T gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần xử lý thỏa đáng đúng tính chất mức độ và hậu quả việc phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Văn Thành T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét áp dụng cho bị cáo T.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có khả năng tự cải tạo. Xét không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi đang cư trú để

giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[4] Về phần bồi thường dân sự: Bị hại Văn N Phương T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng: Không có.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Văn Thành T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Bị cáo Văn Thành T **09 (Chín)** tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách đối với bị cáo là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/11/2023.

Giao bị cáo Văn Thành T cho UBND thị trấn C, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật về Thi hành án Hình sự.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo T phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 03/11/2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND (tỉnh + huyện);
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu HS.

Thanh Nữ Kiều Oanh